

Số: 1002 /QĐ-UBND

TP. Quảng Ngãi, ngày 30 tháng 12 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phân bổ kinh phí thực hiện chính sách giáo dục
đối với người khuyết tật theo Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-
BGDDT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013.**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH -BTC ngày 31/12/2013 của Liên Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội và Bộ giáo dục và chính sách giáo dục đối với Người Khuyết tật;

Căn cứ Thông tư số 326/2016/TT-BTC ngày 23/12/2016 của Bộ Tài chính Quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2017;

Căn cứ Quyết định số 149/QĐ-UBND ngày 16/01/2017 của UBND thành phố Quảng Ngãi về việc phê duyệt Phương án phân bổ dự toán chi Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo của thành phố Quảng Ngãi năm 2017;

Căn cứ Quyết định số 1646/QĐ-UBND ngày 15/3/2017 của UBND thành phố Quảng Ngãi về việc chuyển nguồn ngân sách thành phố năm 2016 sang năm 2017;

Xét đề nghị của phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố tại Công văn số 518/GDDT ngày 27/12/2017 về việc thẩm định, phân bổ kinh phí thực hiện miễn giảm học phí theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP, hỗ trợ ăn trưa cho trẻ mẫu giáo 3-5 tuổi theo Quyết định số 239/QĐ-TTg và 60/2011/QĐ-TTg; Đề xuất của phòng Tài chính – Kế hoạch tại Tờ trình số 27/TTr-TCKH ngày 30/12/2017.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân bổ kinh phí thực hiện chính sách giáo dục đối với người khuyết tật theo Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013 cho phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố với tổng số tiền **208.418.000 đồng** (Hai trăm lẻ tám triệu, bốn trăm mười tám nghìn đồng).

(Chi tiết tại Biểu Phụ lục số 01 đính kèm)

Nguồn kinh phí thực hiện:

- Từ nguồn kinh phí chuyển nguồn ngân sách năm 2016 sang năm 2017 tại Quyết định số 1646/QĐ-UBND ngày 15/3/2017 của UBND thành phố Quảng Ngãi: 197.811.000 đồng;

- Từ nguồn chi Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo của thành phố năm 2017 tại Quyết định số 149/QĐ-UBND ngày 16/01/2017 của UBND thành phố Quảng Ngãi: 10.607.000 đồng.

Điều 2: Tổ chức thực hiện:

- Căn cứ kinh phí được phân bổ tại Điều 1 Quyết định này, phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố có trách nhiệm cấp phát kinh phí cho đơn vị theo đúng quy định.

- Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố có trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí được phân bổ đúng mục đích và lập thủ tục thanh, quyết toán kinh phí theo đúng chế độ quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng HĐND và UBND thành phố; Trưởng các phòng: Tài chính - Kế hoạch; Giáo dục và Đào tạo thành phố; Giao dịch KBNN Quảng Ngãi và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận

- Như Điều 4;
- CT, các PCT UBND thành phố;
- CPVP UBND thành phố;
- Lưu VT.



KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH GIÁO DỤC ĐỐI VỚI NGƯỜI KHUYẾT TẬT THEO THÔNG TƯ
LIÊN TỊCH SỐ 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC NĂM 2017.

Thêm theo Quyết định số 888/QĐ-UBND ngày 30/12/2017 của UBND thành phố Quảng Ngãi).

Đơn: Triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Học kỳ II năm học 2016-2017 (Từ tháng 1-5/2017)				Cộng	Học kỳ I năm học 2017-2018 (Từ tháng 9-12/2017)				Cộng	Tổng nhu cầu kinh phí năm 2017		
		Kinh phí hỗ trợ bổng	Kinh phí hỗ trợ mua phương tiện, đồ dùng học tập	Đối tượng	Kinh phí		Kinh phí hỗ trợ học bổng	Kinh phí hỗ trợ mua phương tiện, đồ dùng học tập	Đối tượng	Kinh phí				
1	2	3	5	19	19	8	10	23	23	10	23	13	7+12	208,418
	Đối tượng khuyết tật thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo theo TTLT số 42/2013/TTLT	4=(3 x 1,120 x 80%) x 5 tháng	6=(5 x 1/9) x 5 tháng	19	102,516	9 (8 x 1,300 x 80%) x 4 tháng	11=(5 x 1/9) x 4 tháng	105,902	105,902	105,902	105,902	208,418		
	Bao gồm													
-	Trẻ em mẫu giáo và học sinh phổ thông													
II	Cấp Tiểu học	15	8,333	15	80,933	17	7,556	17	78,276	78,276	78,276	159,209		
1	Trường TH Chánh Lộ	1	4,840	1	5,396	1	4,160	1	4,604	4,604	4,604	10,000		
2	Trường TH Nghĩa Lộ	1	4,840	1	5,396	1	4,160	1	4,604	4,604	4,604	10,000		
3	Trường TH Số 1 Tịnh Hòa	4	19,360	4	21,582	4	16,640	4	18,418	18,418	18,418	40,000		
4	Trường TH Trần Hưng Đạo	1	4,840	1	5,396	1	4,160	1	4,604	4,604	4,604	10,000		



Sit	Chỉ tiêu	Học Kỳ II năm học 2016-2017 (Từ tháng 1-5/2017)				Học Kỳ I năm học 2017-2018 (Từ tháng 9-12/2017)				Tổng nhu cầu kinh phí năm 2017		
		Đối tương	Kinh phí	Đối tương	Kinh phí	Đối tương	Kinh phí	Đối tương	Kinh phí			
1	2	3	4=(3 x 1,120 x 80%) x 5 tháng	5	6=(5 x 1/9) x 5 tháng	7= 4+6	8	9 (8 x 1,300 x 80%) x 4 tháng	10	11=(5 x 1/9) x 4 tháng	12=9+11	13=7+12
5	Trường TH Tân Mỹ	2	9,680	2	1,111	10,791	2	8,320	2	0,889	9,209	20,000
6	Trường TH Tỉnh Ân Đông	2	9,680	2	1,111	10,791	3	12,480	3	1,333	13,813	24,604
7	Trường TH Phú An	1	4,840	1	0,556	5,396	1	4,160	1	0,444	4,604	10,000
8	Trường TH Nghĩa Đông	1	4,840	1	0,556	5,396	1	4,160	1	0,444	4,604	10,000
9	Trường TH Số 1 Tỉnh Khê	1	4,840	1	0,556	5,396	1	4,160	1	0,444	4,604	10,000
10	Trường TH Đông Hà		-		-	-	1	4,160	1	0,444	4,604	4,604
11	Trường TH Quảng Phú 2	1	4,840	1	0,556	5,396	1	4,160	1	0,444	4,604	10,000
III	Cấp THCS	4	19,360	4	2,222	21,582	6	24,960	6	2,667	27,627	49,209
1	Trường THCS Nghĩa Đông	1	4,840	1	0,556	5,396	2	8,320	2	0,889	9,209	14,604
2	Trường THCS Vô Bảnh	3	14,520	3	1,667	16,187	4	16,640	4	1,778	18,418	34,604

Ghi chú:

(1) Học bổng tính theo số tháng thực học

(2) Số đối tương được hưởng học bổng theo QĐ số 152/2007/QĐ-TTg thì không được hỗ trợ học bổng theo TT LT số 42/2013/TTLT